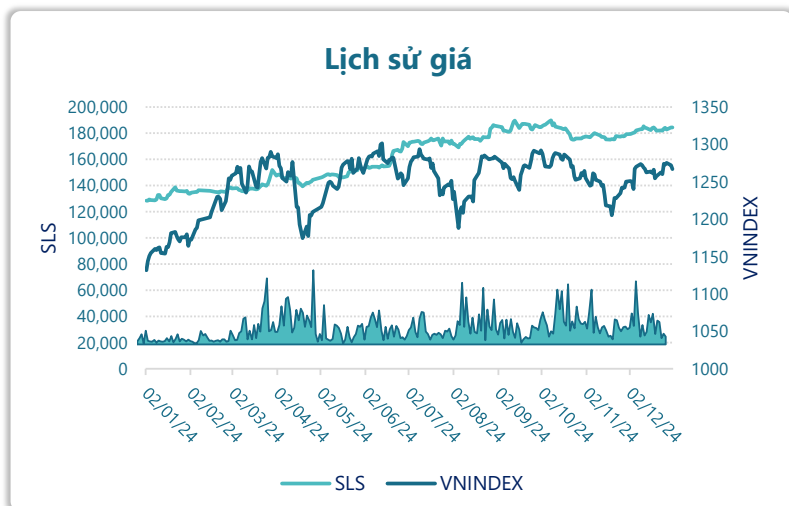


CTCP Mía đường Sơn La (HNX: SLS)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	184,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	189,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	128,463
SL cổ phiếu LH	9,791,945
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,100
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,806
P/E	3.4
EPS	53,686

DT thuần
Q4/24

321

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 142 | 79.6%

YoY: ▲ 133 | 71.0%

LN sau thuế
Q4/24

105

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.3 | 25.2%

YoY: ▲ 35.2 | 50.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2024

41.2%

+/- YoY: ▲ 8.3%

DT thuần
2024

1,293

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 327 | -20.1%

LN sau thuế
2024

526

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.00 | 0.5%

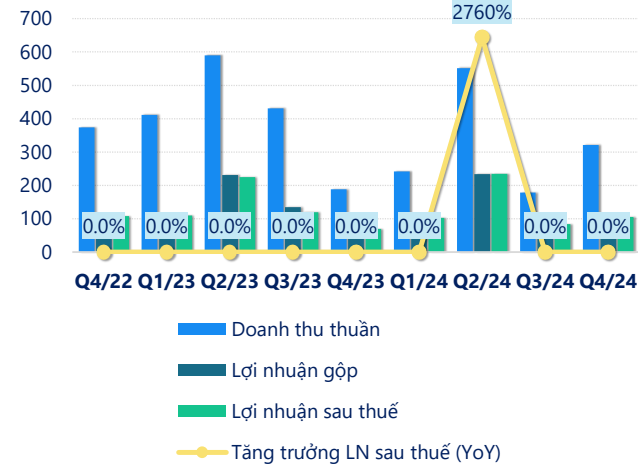
ROE
2024

38.1%

+/- YoY: ▼ 12.5%

tỷ VNĐ

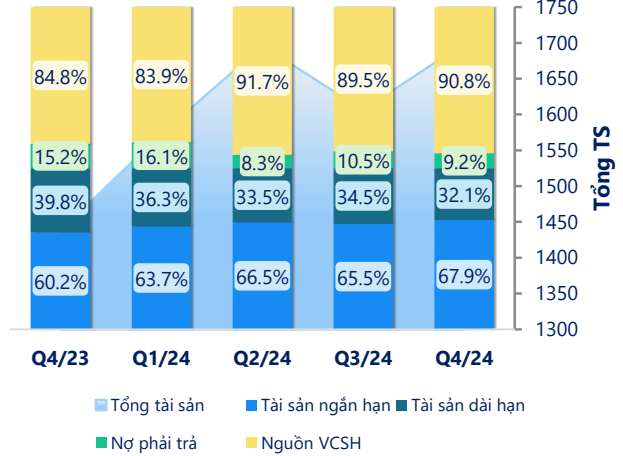
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

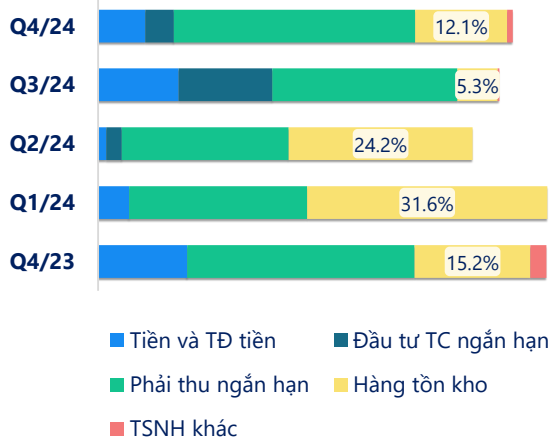
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



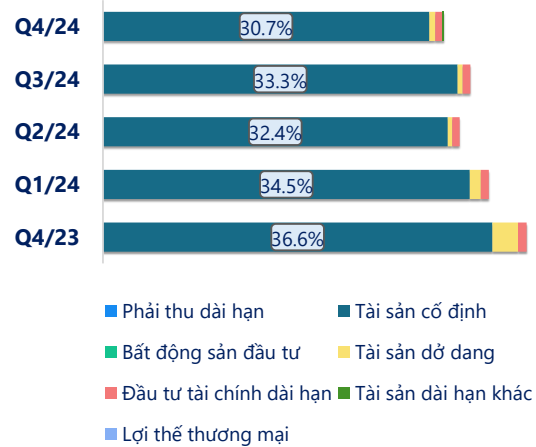
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

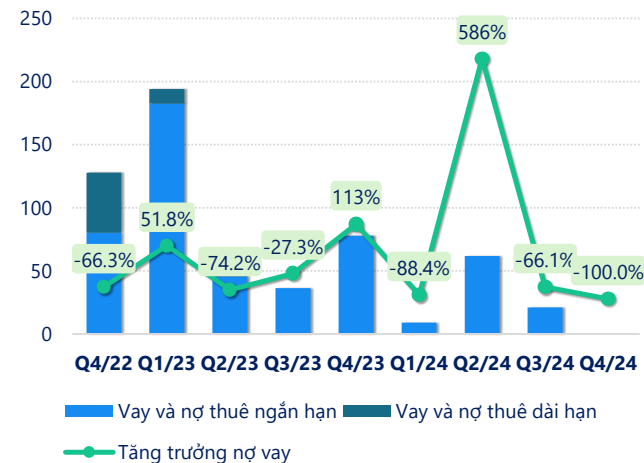
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

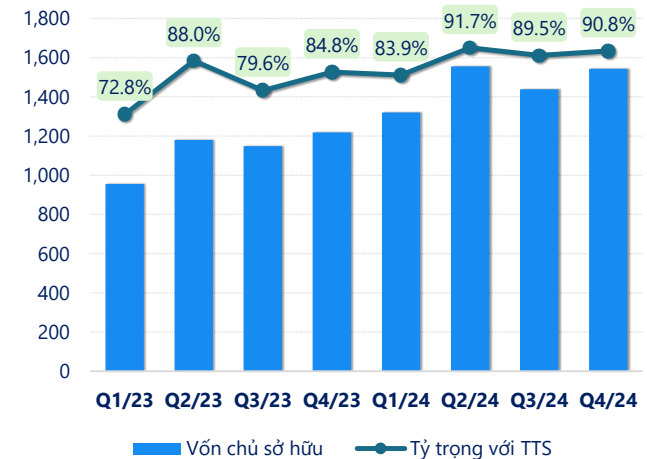
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

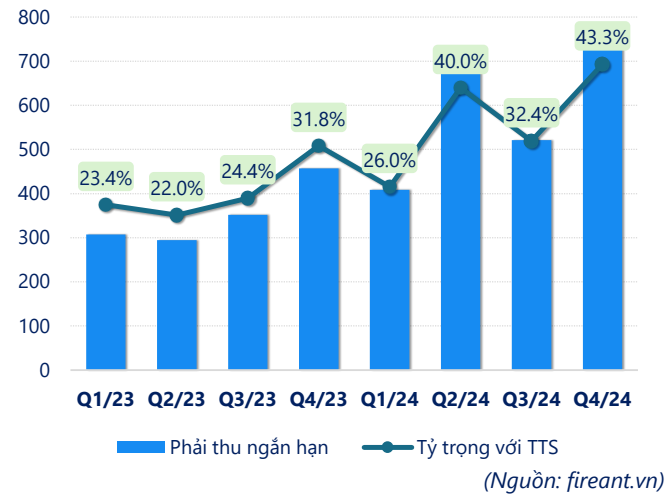
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

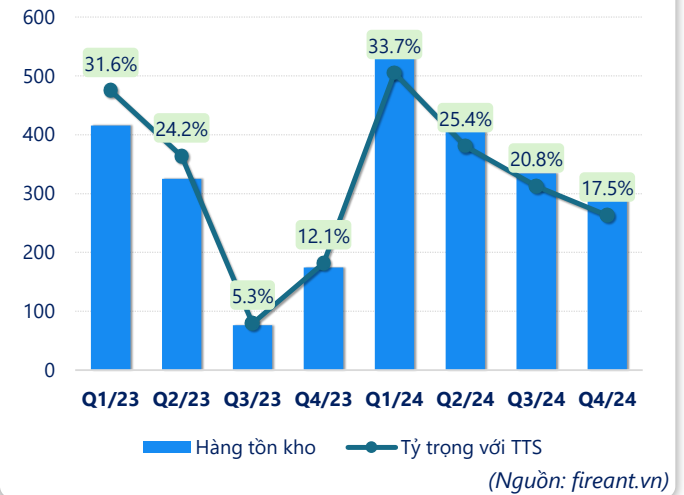


(Nguồn: fireant.vn)

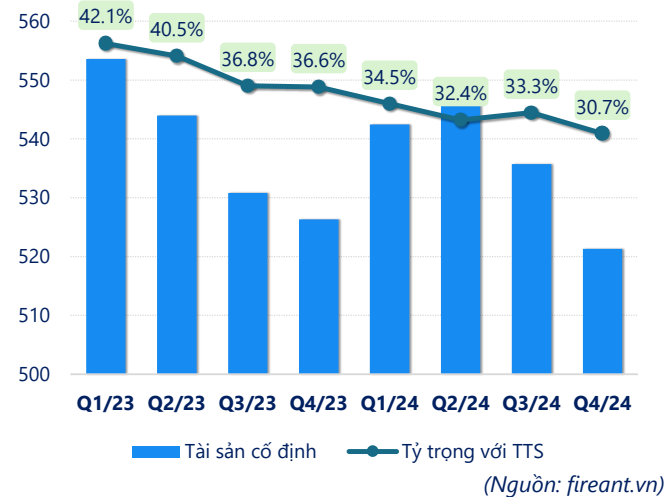
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


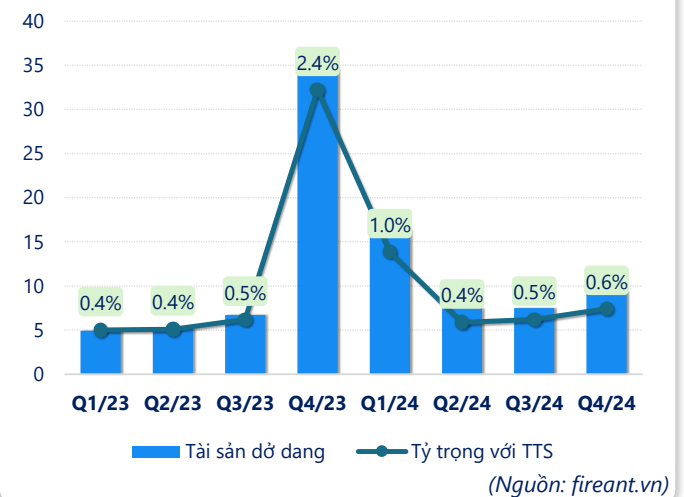
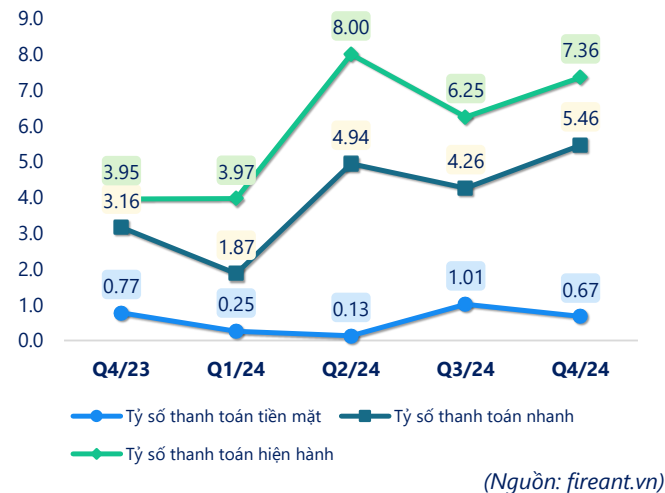
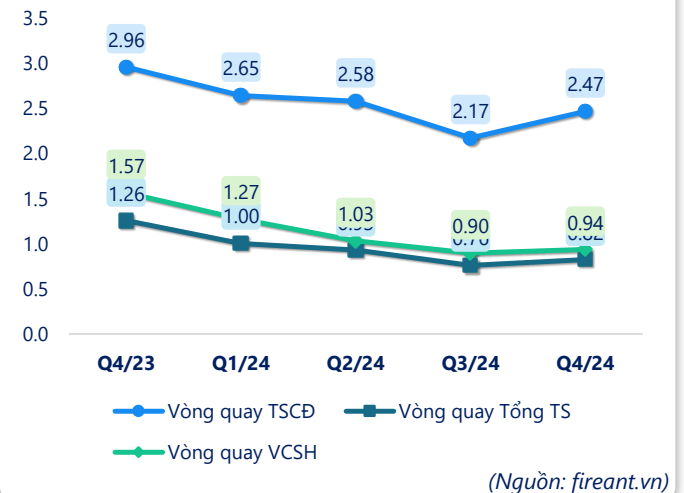
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	1,438	1,573	1,696	1,606	1,699
Tài sản ngắn hạn	865	1,002	1,127	1,052	1,154
Tiền và tương đương tiền	169	64.3	18.5	170	105
Đầu tư tài chính ngắn hạn	54.2	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	457	408	678	521	736
Hàng tồn kho	174	530	431	334	298
Tài sản ngắn hạn khác	10.8	0.00	0.00	26.0	14.8
Tài sản dài hạn	573	570	569	555	545
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	526	542	550	536	521
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	34.7	16.3	7.47	7.48	9.46
Đầu tư tài chính dài hạn	11.6	11.6	11.6	11.6	11.6
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	2.95
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	219	253	141	168	157
Nợ ngắn hạn	219	253	141	168	157
Vay và nợ thuê ngắn hạn	77.7	9.00	61.7	20.9	0
Phải trả người bán ngắn hạn	109	186	43.1	7.52	101
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,219	1,320	1,555	1,438	1,543
Vốn chủ sở hữu	1,219	1,320	1,555	1,438	1,543
Vốn điều lệ	97.9	97.9	97.9	97.9	97.9
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)